

**BẢN SAO**

**TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM  
VIỆN DỆT MAY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

---

**Tháng 4 năm 2016**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN TỔNG HỢP	05 - 08
TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG	09 - 11
BÁO CÁO TỔNG HỢP THU CHI HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	12
BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	13
BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG	14
BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ DỰ ÁN	15 - 20
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	21 - 34

## BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Viện Dệt may (gọi tắt là "Viện") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Viện cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### Ban lãnh đạo

Các thành viên Ban lãnh đạo đã điều hành hoạt động của Viện trong năm 2015 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Thông	Viện trưởng
Ông Nguyễn Sĩ Phương	Phó Viện trưởng
Ông Phạm Văn Lượng	Phó Viện trưởng

### Tình hình tài chính và sử dụng nguồn kinh phí

Tình hình tài chính của Viện tại ngày 31/12/2015 và tình hình sử dụng, quyết toán nguồn kinh phí hoạt động, nguồn kinh phí dự án, tình hình thu chi hoạt động sự nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tăng giảm tài sản cố định năm 2015 được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp từ trang 05 đến trang 34 kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Viện có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Viện tại thời điểm 31/12/2015, cũng như tình hình quyết toán, sử dụng nguồn kinh phí hoạt động, nguồn kinh phí dự án, tình hình thu chi hoạt động sự nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tăng giảm tài sản cố định trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Viện sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban lãnh đạo Viện chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý, tình hình tài chính của Viện tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Viện và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban lãnh đạo xác nhận rằng Viện đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban lãnh đạo,



Nguyễn Văn Thông  
Viện trưởng

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2016

Số: 127/2016/KT-AVHP-TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Tập đoàn Dệt may Việt Nam  
Viện Dệt may**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Viện Dệt may (gọi tắt là “Viện”), được lập ngày 05/4/2016, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối tài khoản tổng hợp, Tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng, Báo cáo tổng hợp thu chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tổng hợp tình hình tăng giảm tài sản cố định, Báo cáo chi tiết kinh phí hoạt động, Báo cáo chi tiết kinh phí dự án cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

**Trách nhiệm của Ban lãnh đạo**

Ban lãnh đạo Viện chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Viện theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Viện có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Viện liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Viện. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Viện tại ngày 31/12/2015, cũng như tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng, tình hình kinh phí hoạt động, kinh phí dự án, thu chi hoạt động sự nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tăng giảm tài sản cố định cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

## Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến các vấn đề sau của Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp:

Thuyết minh số 5.4:

- Năm 2015, Viện phản ánh vào chi phí sản xuất kinh doanh và tăng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp tương ứng với giá trị hao mòn của các tài sản tận dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh là 3.729.987.599 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2015 của Viện là 5.254.964.572 VND. Các tài sản này được hình thành từ các nguồn: quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp là 2.194.612.572 VND, nhận tài sản từ Tổ chức phát triển công nghiệp liên hiệp quốc (United Nations Industrial Development Organization - UNIDO) là 3.060.352.000 VND.
- Một số tài sản cố định của Phân viện Dệt may được tính khấu hao tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Chênh lệch khấu hao của các tài sản đã nêu cao hơn so với các quy định của Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính là 424.233.884 VND.

Thuyết minh số 5.11: Các khoản thu được từ thực hiện các dự án phải nộp về ngân sách Nhà nước được phản ánh ở Nguồn kinh phí dự án lũy kể đến ngày 31/12/2015 là 4.291.902.701 VND.

Thuyết minh số 5.15: Chi dự án của Viện tại 31/12/2015 bao gồm khoản chi chưa được phê duyệt nguồn kinh phí là 275.685.000 VND.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh.



**Vũ Thị Hương Giang**

**Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0388-2015-055-1

**Thay mặt và đại diện**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

Hải Phòng, ngày 05 tháng 4 năm 2016

**Nguyễn Thị Hoài Thu**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2461-2015-055-1

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG QUỲNH MAI  
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 25-12-2017

Số chứng thực 6732 -- 02 Quyền số SCT/BS



**PHÓ CHỦ TỊCH**

*Nguyễn Văn Bình*

**BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN TỔNG HỢP**  
Năm 2015

Mẫu số B 01 - H  
Đơn vị tính: VND

Số hiệu TK	Tên tài khoản	01/01/2015		Phát sinh		31/12/2015	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
	<b>A - CÁC TÀI KHOẢN TRONG BẢNG</b>						
1	Tiền mặt	355.816.022	-	36.237.097.071	36.164.818.107	428.094.986	-
11	Tiền Việt Nam	355.816.022	-	36.237.097.071	36.164.818.107	428.094.986	-
2	Tiền gửi Ngân hàng	25.027.094.606	-	77.451.987.219	73.716.570.023	28.762.511.802	-
21	Tiền Việt Nam	24.879.429.788	-	77.294.173.095	73.565.930.382	28.607.672.501	-
22	Ngoại tệ	147.664.818	-	157.814.124	150.639.641	154.839.301	-
2	Nguyên liệu, vật liệu	4.131.585.776	-	18.808.268.368	19.220.738.087	3.719.116.057	-
3	Công cụ, dụng cụ	-	-	731.466.311	731.466.311	-	-
5	Sản phẩm, hàng hóa	1.654.105.824	-	22.904.082.442	23.203.269.930	1.354.918.336	-
1	Tài sản cố định hữu hình	104.360.317.807	-	5.254.964.572	42.523.136.724	67.092.145.655	-
11	Nhà cửa, vật kiến trúc	14.968.501.636	-	-	-	14.968.501.636	-
12	Máy móc thiết bị	27.196.111.613	-	1.359.758.821	4.477.008.567	24.078.861.867	-
13	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.852.194.440	-	-	-	1.852.194.440	-
14	Thiết bị, dụng cụ quản lý	747.252.522	-	-	593.364.795	153.887.727	-
18	Tài sản cố định theo dự án	59.596.257.596	-	3.895.205.751	37.452.763.362	26.038.699.985	-
3	Tài sản cố định vô hình	133.780.000	-	-	-	133.780.000	-
32	Phần mềm vi tính	133.780.000	-	-	-	133.780.000	-
4	Hao mòn TSCĐ	-	78.560.197.303	41.757.704.293	5.556.872.190	-	42.359.365.200
41	Hao mòn tài sản cố định hữu hình	-	78.431.224.303	41.757.704.293	5.552.065.190	-	42.225.585.200
43	Hao mòn tài sản cố định vô hình	-	128.973.000	-	4.807.000	-	133.780.000
1	Xây dựng cơ bản dở dang	249.339.567	-	-	-	249.339.567	-
12	Xây dựng cơ bản	249.339.567	-	-	-	249.339.567	-
1	Các khoản phải thu	3.142.406.530	456.590.307	65.512.972.701	64.420.174.679	4.179.065.980	400.451.735
11	Phải thu khách hàng	2.697.608.571	426.778.657	62.073.044.615	60.595.969.459	4.139.899.730	391.994.660
13	Thuế GTGT được khấu trừ	158.039.146	-	3.373.950.187	3.531.989.333	-	-
18	Phải thu khác	286.758.813	-	36.166.249	283.758.812	39.166.250	-
19	Dự phòng phải thu khó đòi	-	29.811.650	29.811.650	8.457.075	-	8.457.075

**BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
Năm 2015

Mẫu số B 01 - H  
Đơn vị tính: VND

Số hiệu TK	Tên tài khoản	01/01/2015		Phát sinh		31/12/2015	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
		1	2	3	4	5	6
A	B						
12	Tạm ứng	39.500.000	-	494.225.802	530.225.802	3.500.000	-
31	Các khoản phải trả	759.278.300	5.872.271.342	34.408.998.096	32.621.262.628	1.048.600.000	4.373.857.574
311	Phải trả người cung cấp	759.278.300	2.661.489.153	33.045.409.493	31.586.456.214	1.048.600.000	1.491.857.574
318	Phải trả khác	-	3.210.782.189	1.363.588.603	1.034.806.414	-	2.882.000.000
332	Các khoản phải nộp theo lương	20.267.119	-	2.179.834.440	2.152.028.549	48.073.010	-
3321	Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	20.267.119	-	2.017.269.731	1.989.463.840	48.073.010	-
3322	Bảo hiểm y tế	-	-	86.997.656	86.997.656	-	-
3323	Kinh phí công đoàn	-	-	38.367.312	38.367.312	-	-
3324	Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	37.199.741	37.199.741	-	-
333	Các khoản phải nộp Nhà nước	-	925.463.925	8.836.119.476	9.494.161.663	-	1.583.506.112
3331	Thuế giá trị gia tăng	-	440.835.984	7.721.635.131	8.158.636.772	-	877.837.625
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	232.448.291	577.339.460	938.830.689	-	593.939.520
3335	Thuế thu nhập cá nhân	-	238.438.390	520.800.985	366.746.502	-	84.383.907
3352	Thuế thu của khách vãng lai	-	13.741.260	12.343.900	25.947.700	-	27.345.060
338	Các khoản nộp khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
34	Phải trả công chức, viên chức	-	2.129.816.690	17.284.183.976	17.251.604.066	-	2.097.236.780
341	Phải trả công chức, viên chức	-	2.129.816.690	17.284.183.976	17.251.604.066	-	2.097.236.780
35	Phải trả các đối tượng khác	-	599.773.000	599.773.000	-	-	-
111	Nguồn vốn kinh doanh	-	6.101.579.467	-	-	-	6.101.579.467
21	Chênh lệch thu - chi chưa xử lý	-	1.641.583.102	2.580.413.791	4.267.412.222	-	3.328.581.533
31	Các quỹ	-	13.579.010.314	2.343.395.489	6.662.432.064	-	17.898.046.889
311	Quỹ khen thưởng	-	422.149.905	60.900.000	164.103.804	-	525.353.709
312	Quỹ phúc lợi	-	111.722.300	42.208.417	112.657.466	-	182.171.349
313	Quỹ ổn định thu nhập	-	367.417.831	-	28.164.366	-	395.582.197
314	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	-	12.677.720.278	2.240.287.072	6.357.506.428	-	16.794.939.634
441	Nguồn kinh phí đầu tư XDCB	-	249.339.567	-	-	-	249.339.567
4411	Nguồn kinh phí NSNN cấp	-	249.339.567	-	-	-	249.339.567
461	Nguồn kinh phí hoạt động	-	26.134.000	259.194.977	233.060.977	-	-
4613	Nguồn kinh phí hoạt động khác	-	26.134.000	259.194.977	233.060.977	-	-

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)  
Năm 2015

Mẫu số B-01 - H  
Đơn vị tính: VND

Số hiệu TK	Tên tài khoản	01/01/2015		Phát sinh		31/12/2015	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
462	Nguồn kinh phí dự án	-	15.493.135.701	6.190.000.000	6.651.767.000	-	15.954.902.701
4621	Nguồn kinh phí Bộ Công thương cấp	-	10.236.433.000	4.090.000.000	5.241.567.000	-	11.388.000.000
4622	Nguồn kinh phí Tập đoàn Dệt may Việt Nam cấp	-	-	-	275.000.000	-	275.000.000
4624	Nguồn kinh phí thu hồi của dự án (*)	-	2.212.000.000	-	-	-	2.212.000.000
4625	Nguồn kinh phí dự án khác (*)	-	69.571.838	-	-	-	69.571.838
4626	Nguồn kinh phí do Sở Khoa học Công nghệ cấp	-	964.800.000	2.100.000.000	1.135.200.000	-	-
4627	Nguồn kinh phí trả nợ Nhà nước của Dự án (*)	-	2.010.330.863	-	-	-	2.010.330.863
466	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	25.814.471.307	6.322.304.618	5.254.964.572	-	24.747.131.261
511	Các khoản thu	-	-	72.073.844.546	72.073.844.546	-	-
5111	Thu bán hàng	-	-	23.332.902.527	23.332.902.527	-	-
5113	Thu từ dịch vụ thí nghiệm, nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ	-	-	38.451.727.080	38.451.727.080	-	-
5114	Thu từ dịch vụ thuê nhà và may	-	-	3.114.764.303	3.114.764.303	-	-
5115	Thu từ sản xuất dịch vụ về chi và nhuộm	-	-	4.429.489.080	4.429.489.080	-	-
5116	Thu từ hoạt động tài chính	-	-	1.054.902.085	1.054.902.085	-	-
5118	Thu khác	-	-	1.690.059.471	1.690.059.471	-	-
631	Chi hoạt động sản xuất, kinh doanh	249.745.831	-	80.852.289.159	80.620.866.564	481.168.426	-
6311	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh	249.745.831	-	36.802.705.251	36.571.282.656	481.168.426	-
6312	Giá vốn bán hàng	-	-	16.706.026.392	16.706.026.392	-	-
6313	Chi phí dịch vụ thí nghiệm, phát triển nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ	-	-	14.389.244.351	14.389.244.351	-	-
6314	Chi hoạt động dịch vụ thuê nhà và may	-	-	2.361.170.440	2.361.170.440	-	-
6315	Chi phí sản xuất chi và nhuộm	-	-	3.713.036.235	3.713.036.235	-	-
6316	Chi phí hoạt động tài chính	-	-	260.318.377	260.318.377	-	-
6318	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh khác	-	-	6.619.788.113	6.619.788.113	-	-
643	Chi phí trả trước	46.065.833	-	688.221.834	734.287.667	-	-
661	Chi hoạt động	26.134.000	-	1.282.167	27.416.167	-	-
662	Chi dự án	11.253.928.810	-	6.761.535.000	6.421.778.810	11.593.685.000	-
6621	Chi phí thực hiện đề tài cấp Bộ Công thương	10.029.500.000	-	5.378.500.000	4.090.000.000	11.318.000.000	-



BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)  
Năm 2015

Số hiệu TK	Tên tài khoản	01/01/2015		Phát sinh		31/12/2015	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
622	Chi phí thực hiện đề tài cấp Tập đoàn	-	-	275.685.000	-	275.685.000	-
624	Chi thực hiện dự án khác	231.778.810	-	-	231.778.810	-	-
626	Chi thực hiện đề tài cấp Sở Khoa học Công nghệ	992.650.000	-	1.107.350.000	2.100.000.000	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>151.449.366.025</b>	<b>151.449.366.025</b>	<b>510.534.159.348</b>	<b>510.534.159.348</b>	<b>119.093.998.819</b>	<b>119.093.998.819</b>
09	<b>B - CÁC TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG</b>						
091	Dự toán chi chương trình, dự án	622.767.000	-	5.986.000.000	5.023.367.000	1.585.400.000	-
	Dự toán chi chương trình, dự án	622.767.000	-	5.986.000.000	5.023.367.000	1.585.400.000	-
	<b>Cộng</b>	<b>622.767.000</b>	<b>-</b>	<b>5.986.000.000</b>	<b>5.023.367.000</b>	<b>1.585.400.000</b>	<b>-</b>

Mẫu số B 01 - H  
Đơn vị tính: VND

(\*): Nguồn kinh phí thu được từ thực hiện dự án phải nộp về ngân sách Nhà nước.

Người lập biểu



Tổng Đức Quang

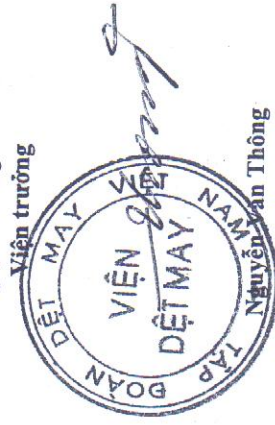
Kế toán trưởng



Tổng Đức Quang

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2016

Viện trưởng



Nguyễn Văn Thông

**ÁP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM**  
**VIỆN DỆT MAY**

8 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2015

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ**  
**VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG**

Năm 2015

HÀN I: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ

Mẫu số B 02 - H

Đơn vị tính: VND

tt	Chi tiêu	Nguồn kinh phí	Mã số	Tổng số	Ngân sách Nhà nước				Nguồn khác
					Tổng số	Bộ Công thương	Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Sở Khoa học Công nghệ Hà Nội	
A	B	C	1 = 2 + 7	2 = 3 + 4 + 5 + 6	3	4	6	7	
I	<b>KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>								
A	Loại 14 khoản 09								
1	Kinh phí thường xuyên		01	26.134.000	-	-	-	26.134.000	
2	Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang		02	233.060.977	-	-	-	233.060.977	
4	Kinh phí thực nhận năm nay		04	259.194.977	-	-	-	259.194.977	
6	Tổng kinh phí được sử dụng năm nay (04 = 01 + 02)		06	259.194.977	-	-	-	259.194.977	
8	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán năm nay		08	-	-	-	-	-	
0	Kinh phí giám năm nay		10	-	-	-	-	-	
0	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau (10 = 04 - 06 - 08)			-	-	-	-	-	
II	<b>KINH PHÍ DỰ ÁN</b>								
A	Loại 14 khoản 09								
1	Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang		31	179.083.000	179.083.000	206.933.000	(27.850.000)	-	
2	Kinh phí thực nhận năm nay		32	6.651.767.000	6.651.767.000	5.241.567.000	1.135.200.000	-	
4	Tổng kinh phí được sử dụng năm nay (34 = 31 + 32)		34	6.830.850.000	6.830.850.000	5.448.500.000	1.107.350.000	-	
5	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán		36	6.761.535.000	6.761.535.000	5.378.500.000	1.107.350.000	-	
8	Kinh phí giám trong năm		38	-	-	-	-	-	
0	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau (40 = 34 - 36 - 38)		40	69.315.000	69.315.000	70.000.000	(685.000)	-	

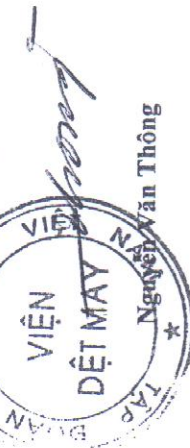
Người lập biểu

Tổng Đức Quang

Kế toán trưởng

Tổng Đức Quang

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2016  
Kế toán trưởng



**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ  
KẾ TOÁN KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG (TIẾP THEO)**  
Năm 2015

VÀ QUYẾT TOÁN

**ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN**

Mã số	Tổng số	Ngân sách Nhà nước		Đơn vị tính: VND	Nguồn khác
		Tổng số	Tập Đoàn		
H	1 = 2 + 7	2 = 3 + 4 + 5 + 6	Bộ Công thương	Viện Dệt	ng nghệ
			3	4	6
	1.282.167	-	-	-	7
	1.282.167	-	-	-	1.282.167
	1.282.167	-	-	-	1.282.167
	1.282.167	-	-	-	1.282.167
	6.761.535.000	6.761.535.000	5.378.500.000	275	-
	164.600.000	164.600.000	158.600.000	6.685.000	-
	40.000.000	40.000.000	40.000.000	1.000.000	-
	64.600.000	64.600.000	58.600.000	6	-
	60.000.000	60.000.000	60.000.000	1.000.000	-
	55.000.000	55.000.000	55.000.000	-	-
	45.000.000	45.000.000	45.000.000	-	-
	10.000.000	10.000.000	10.000.000	-	-
	63.270.000	63.270.000	38.570.000	-	-
	63.270.000	63.270.000	38.570.000	-	-
	162.120.000	162.120.000	145.470.000	-	-
	4.000.000	4.000.000	-	-	24.700.000
	2.920.000	2.920.000	2.920.000	-	24.700.000
	5.000.000	5.000.000	5.000.000	-	16.650.000
	150.200.000	150.200.000	137.550.000	-	4.000.000
	138.945.000	138.945.000	109.760.000	29.1	-
	38.855.000	38.855.000	30.185.000	8.685.000	12.650.000
	37.200.000	37.200.000	30.600.000	6.670.000	-
	7.812.000	7.812.000	7.812.000	00.000	-
	55.078.000	55.078.000	41.163.000	13.9	-
	2.911.175.000	2.911.175.000	1.868.425.000	233.015.000	-
	233.000.000	233.000.000	-	233.000.000	-
	3.181.175.000	3.181.175.000	1.868.425.000	00.000	09.750.000
	2.066.000.000	2.066.000.000	2.927.675.000	7.5	-
	2.066.000.000	2.066.000.000	1.820.000.000	00.000	209.750.000
				2	46.000.000

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
 Cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2015

**BÁO CÁO TỔNG HỢP THU, CHI HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP  
 VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH**  
 Năm 2015

Mẫu số B 03 - I  
 Đơn vị tính: VNĐ

	Mã số	Tổng cộng	Chia ra	
			Hoạt động sự nghiệp	Hoạt động sản xuất cung ứng dịch vụ
			2	3
C	1 = 2 + 3			
01	1.641.583.102		1.641.583.102	
02	72.073.844.546		72.073.844.546	
04	67.806.432.324		67.806.432.324	
05	61.516.999.610		61.516.999.610	
06	6.289.432.714		6.289.432.714	
09	4.267.412.222		4.267.412.222	
11	938.830.689		938.830.689	
13	-		-	
15	281.643.664		281.643.664	
17	-		-	
18	1.359.939.438		1.359.939.438	
19	3.328.581.533		3.328.581.533	

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2016  
 Viện trưởng  
**VIỆN DỆT MAY TẬP ĐOÀN VIỆT NAM**  
 Nguyễn Văn Thông

Kế toán trưởng  
  
 Tổng Đức Quang

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH  
 Năm 2015

Mẫu số B 04 - H  
 Đơn vị tính: VND

Stt	Nội dung	Đvt	Số đầu năm		Tăng trong năm		Giảm trong năm		Số cuối năm	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
I	TSCĐ hữu hình	M2		104.360.317.807		5.254.964.572	-	42.523.136.724		67.092.145.655
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cái		14.968.501.636		-	-	-		14.968.501.636
1.1.2	Máy móc thiết bị	Cái		27.196.111.613		1.359.758.821	-	4.477.008.567		24.078.861.867
1.1.3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cái		1.852.194.440		-	-	-		1.852.194.440
1.1.4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cái		747.252.522		-	-	593.364.795		153.887.727
1.1.5	Tài sản cố định theo dự án	Cái		59.596.257.596		3.895.205.751	-	37.452.763.362		26.038.699.985
I	TSCĐ vô hình	Bộ		133.780.000		-	-	-		133.780.000
.1	Phần mềm máy tính			133.780.000		-	-	-		133.780.000
	<b>Cộng</b>			<b>104.494.097.807</b>		<b>5.254.964.572</b>		<b>42.523.136.724</b>		<b>67.225.925.655</b>

Người lập biểu



Tổng Đức Quang

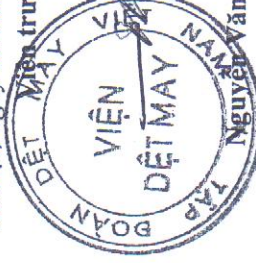
Kế toán trưởng



Tổng Đức Quang

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2016

Viện trưởng



Nguyễn Văn Thông

BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG  
Năm 2015

Mẫu số F02 - 1H  
Đơn vị tính: VND

Khoản	Nhóm mục chi	Chi tiêu	Kinh phí được sử dụng năm nay				Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán		Kinh phí giám năm nay		Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau
			Năm trước	Số thực nhận		Tổng số kinh phí được sử dụng năm nay	Năm nay	Lũy kế từ đầu năm	Năm nay	Lũy kế từ đầu năm	
				Năm nay	Lũy kế từ đầu năm						
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
134	99	D	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		1 Chi thanh toán cá nhân	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		2 Chi nghiệp vụ chuyên môn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		3 Các khoản chi khác	-	259.194.977	259.194.977	259.194.977	259.194.977	259.194.977	-	-	-
		4 Chi mua sắm, sửa chữa	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		<b>Cộng</b>		259.194.977	259.194.977	259.194.977	259.194.977	259.194.977	259.194.977	-	-

Người lập biểu



Tổng Đức Quang

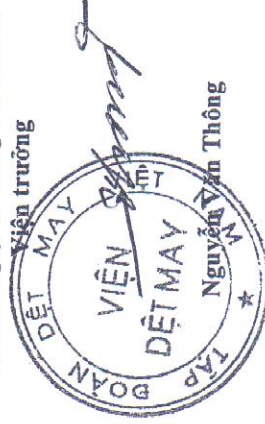
Kế toán trưởng



Tổng Đức Quang

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2016

Viện trưởng



**BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ DỰ ÁN**

Năm 2015

Nguồn kinh phí: Bộ Công thương

**TÌNH HÌNH KINH PHÍ**

Mẫu số F02 - 2H  
 Đơn vị tính: VND

A	B	Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Lũy kế	
					từ đầu năm	từ khi khởi đầu
			C	1	2	3
1		Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang	01	206.933.000	206.933.000	206.933.000
2		Kinh phí thực nhận	02	5.241.567.000	5.241.567.000	5.241.567.000
3		Tổng kinh phí được sử dụng (03 = 01 + 02)	03	5.448.500.000	5.448.500.000	5.448.500.000
4		Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	04	5.378.500.000	5.378.500.000	5.378.500.000
5		Kinh phí giảm	05	-	-	-
6		Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau (06 = 03 - 04 - 05)	06	70.000.000	70.000.000	70.000.000

**BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ DỰ ÁN (TIẾP THEO)**

Năm 2015

Nguồn kinh phí: Bộ Công thương cấp

**I - CHI TIẾT KINH PHÍ DỰ ÁN ĐÁ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN**

tt	Mục	Tiểu mục	Chi tiêu	Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi khởi đầu
A	B	C	D	1	2	3
1	102		<b>Phụ cấp lương</b>	158.600.000	158.600.000	158.600.000
		01	Phụ cấp chức vụ	40.000.000	40.000.000	40.000.000
		03	Phụ cấp trách nhiệm	58.600.000	58.600.000	58.600.000
		99	Khác	60.000.000	60.000.000	60.000.000
2	109		<b>Thanh toán dịch vụ công cộng</b>	55.000.000	55.000.000	55.000.000
		01	Thanh toán tiền điện	45.000.000	45.000.000	45.000.000
		02	Thanh toán tiền nước	10.000.000	10.000.000	10.000.000
3	110		<b>Vật tư văn phòng</b>	38.570.000	38.570.000	38.570.000
		01	Văn phòng phẩm	38.570.000	38.570.000	38.570.000
		03	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	-	-	-
4	112		<b>Hội nghị</b>	145.470.000	145.470.000	145.470.000
		02	Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên	-	-	-
		03	Tiền vé máy bay, tàu	-	-	-
		05	Thuê hội trường, phương tiện vận chuyển	2.920.000	2.920.000	2.920.000
		06	Các khoản thuê mướn khác	5.000.000	5.000.000	5.000.000
		99	Chi phí khác	137.550.000	137.550.000	137.550.000
5	113		<b>Công tác phí</b>	109.760.000	109.760.000	109.760.000
		01	Tiền vé máy bay, tàu xe	30.185.000	30.185.000	30.185.000
		02	Phụ cấp công tác phí	30.600.000	30.600.000	30.600.000
		03	Tiền thuê phòng ngủ	7.812.000	7.812.000	7.812.000
		99	Khác	41.163.000	41.163.000	41.163.000
6	114		<b>Chi phí thuê mướn</b>	1.868.425.000	1.868.425.000	1.868.425.000
		07	Thuê lao động trong nước	-	-	-



**BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ DỰ ÁN (TIẾP THEO)**

Năm 2015

Nguồn kinh phí: Bộ Công thương cấp

**I - CHI TIẾT KINH PHÍ DỰ ÁN ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN**

Stt	Mục	Tiêu mục	Chi tiêu	Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi khởi đầu
A	B	C	D	1	2	3
7	119	99	Chi phí thuê mướn khác	1.868.425.000	1.868.425.000	1.868.425.000
		01	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng chuyên ngành	2.927.675.000	2.927.675.000	2.927.675.000
		99	Chi mua hàng hoá, vật tư dùng cho chuyên môn	1.820.000.000	1.820.000.000	1.820.000.000
			Chi phí khác	1.107.675.000	1.107.675.000	1.107.675.000
8	149		Chi phí khác	75.000.000	75.000.000	75.000.000
		99	Khác	75.000.000	75.000.000	75.000.000
			<b>Cộng</b>	<b>5.378.500.000</b>	<b>5.378.500.000</b>	<b>5.378.500.000</b>

Người lập biểu



Kế toán trưởng

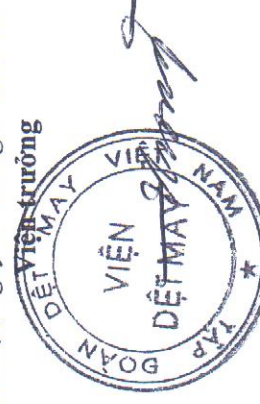


Tổng Đức Quang

Tổng Đức Quang

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2016

Viện trưởng



Nguyễn Văn Thông

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**PHÒNG BAN ĐỆT MÂY VIỆT NAM**  
**VIỆN ĐỆT MÂY**  
Mình Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ DỰ ÁN**  
Năm 2015  
Nguồn kinh phí: Tập đoàn Đệt mây Việt Nam


Mẫu số F02 - 2H  
Đơn vị tính: VND

**TÌNH HÌNH KINH PHÍ**

A	B	Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Lũy kế	
					từ đầu năm	từ khi khởi đầu
			C	1	2	3
1		Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	01	-	-	-
2		Kinh phí thực nhận	02	275.000.000	275.000.000	275.000.000
3		Tổng kinh phí được sử dụng (03 = 01 + 02)	03	275.000.000	275.000.000	275.000.000
4		Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	04	275.685.000	275.685.000	275.685.000
5		Kinh phí giám	05	-	-	-
6		Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau (06 = 03 - 04 - 05)	06	(685.000)	(685.000)	(685.000)

Người lập biểu  
  
Tổng Đức Quang

Kế toán trưởng  
  
Tổng Đức Quang

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2016  
  
 VIỆN ĐỆT MÂY  
 NGUYỄN VĂN THÔNG

**BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ DỰ ÁN**

Năm 2015

Nguồn kinh phí: Sở Khoa học công nghệ

Mẫu số F02 - 2H  
 Đơn vị tính: VND

**TÌNH HÌNH KINH PHÍ**

t	Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi khởi đầu
A	B	C			
1	Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	01	(27.850.000)	(27.850.000)	(27.850.000)
2	Kinh phí thực nhận	02	1.135.200.000	1.135.200.000	1.135.200.000
3	Tổng kinh phí được sử dụng (03 = 01 + 02)	03	1.107.350.000	1.107.350.000	1.107.350.000
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	04	1.107.350.000	1.107.350.000	1.107.350.000
5	Kinh phí giảm	05	-	-	-
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau (06 = 03 - 04 - 05)	06	-	-	-

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**PHÒNG BAN ĐỆT MAY VIỆT NAM**  
**PHÒNG ĐỆT MAY**  
Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ DỰ ÁN (TIẾP THEO)**

Năm 2015

Nguồn kinh phí: Sở Khoa học công nghệ

**CHI TIẾT KINH PHÍ DỰ ÁN ĐÁ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN**

Mục	Tiểu mục	Chi tiêu	Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi khởi đầu
A	B	C	1	2	3
1	110	Phụ cấp lương	24.700.000	24.700.000	24.700.000
		Văn phòng phẩm	24.700.000	24.700.000	24.700.000
		Khác			
2	112	Hội nghị	16.650.000	16.650.000	16.650.000
		Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên	4.000.000	4.000.000	4.000.000
		Chi phí khác	12.650.000	12.650.000	12.650.000
3	114	Chi phí thuê mướn	809.750.000	809.750.000	809.750.000
		Chi phí thuê mướn khác	809.750.000	809.750.000	809.750.000
6	114	Chi phí thuê mướn	246.000.000	246.000.000	246.000.000
7	119	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	246.000.000	246.000.000	246.000.000
		chi phí mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn	10.250.000	10.250.000	10.250.000
8	139	Chi khác	10.250.000	10.250.000	10.250.000
		Khác	10.250.000	10.250.000	10.250.000
		<b>Cộng</b>	<b>1.107.350.000</b>	<b>1.107.350.000</b>	<b>1.107.350.000</b>

Người lập biểu



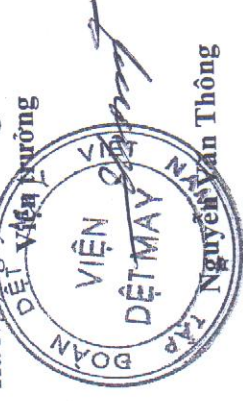
Kế toán trưởng



Tổng Đức Quang

Tổng Đức Quang

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2016



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**MẪU SỐ B 06 - H**

*(Các thuyết minh từ trang 21 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

***Hình thức sở hữu***

Viện Dệt may là đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc Tập đoàn Dệt may Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 24/CP ngày 05/02/1969 của Hội đồng Chính phủ, tên ban đầu là Viện Công nghiệp Dệt và Sợi. Theo Quyết định số 2216/QĐ/TCCB ngày 12/8/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, chuyển tổ chức và hoạt động của Viện Công nghiệp Dệt và Sợi thành Viện Kinh tế - Kỹ thuật Dệt - May, là đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng công ty Dệt may Việt Nam. Theo Quyết định số 746/QĐ-TĐDMVN ngày 14/12/2006 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam, phê duyệt đề án chuyển đổi Viện Kinh tế - Kỹ thuật Dệt - May thành Viện Dệt may, hoạt động theo tổ chức khoa học và công nghệ, tự trang trải kinh phí được quy định cụ thể tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ lần đầu số 499 ngày 01/10/1996, đăng ký thay đổi lần thứ nhất số A-614 ngày 27/3/2007 do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp.

Vốn đăng ký: 41.752.262.713 VND.

***Chức năng, nhiệm vụ của Viện***

Nghiên cứu chiến lược, quy hoạch, chính sách và các giải pháp phát triển ngành dệt may; nghiên cứu thị trường, dự báo, điều tra, khảo sát, xây dựng luận chứng kinh tế - kỹ thuật; nghiên cứu phát triển các nguyên liệu, thiết bị, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng và sản phẩm dệt may; nghiên cứu đánh giá tác động môi trường, xây dựng các công nghệ sạch, các giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong ngành dệt may;

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dệt may: bông, xơ, sợi, vải, hàng may mặc, chỉ may, tơ tằm, các loại hóa chất, chất trợ thuốc nhuộm trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, xuất nhập khẩu công nghệ, các mặt hàng, thiết bị phụ tùng phụ liệu, hóa chất thuốc nhuộm, thiết bị thí nghiệm ngành dệt may (theo quy định Nhà nước);

Dịch vụ khoa học và công nghệ: thực hiện các dịch vụ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, thông tin, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học và đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực dệt may, tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, xây dựng, thẩm định các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may và môi trường, tư vấn, giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại và môi trường dệt may, giám định, kiểm tra chất lượng nguyên liệu, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm, các sản phẩm dệt may và các tiêu chuẩn sinh thái.

Trụ sở chính của Viện: số 478 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Viện có đơn vị trực thuộc là Phân viện Dệt may được thành lập theo Quyết định số 45A-QĐ/TCLĐ ngày 30/3/2007 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam về việc chuyển tổ chức và hoạt động của Phân viện Kinh tế Kỹ thuật Dệt may thành Phân viện Dệt may tại Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: số 345/128A Trần Hưng Đạo, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Chức năng, nhiệm vụ của Phân viện: Là đầu mối giao dịch, thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, dịch vụ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, sản xuất và kinh doanh của Viện Dệt may tại các tỉnh phía Nam; nghiên cứu và phát triển các nguyên liệu, thiết bị, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng và sản phẩm dệt may; giám định, thí nghiệm, kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm, sản phẩm dệt, may và tiêu chuẩn môi trường; tư vấn chuyển giao công nghệ; tham gia đào tạo và đào tạo lại cán bộ dệt may; thực hiện các hoạt động dịch vụ khoa học công nghệ; sản xuất thử nghiệm; tổ chức các cửa hàng giới thiệu sản phẩm; phát triển hợp tác khoa học kỹ thuật với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; thực hiện các nhiệm vụ khác do Viện Dệt may giao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 21 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**MẪU SỐ B 06 - H**

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập theo hướng dẫn của Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng, tình hình thu chi hoạt động sự nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh, kinh phí dự án và tình hình tăng giảm tài sản cố định theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**4. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP TRONG NĂM**

**4.1 Tình hình biên chế, lao động, quỹ lương**

Số công nhân, viên chức có mặt đến ngày 31/12/2015:	135 người
Tăng:	7 người
Giảm:	7 người
Tổng quỹ lương thực hiện cả năm:	16.933.226.678 VND

**4.2 Thực hiện nhiệm vụ cơ bản**

Thực hiện chức năng, hoạt động của Viện chuyên ngành thời trang theo định hướng của Tập đoàn Dệt may Việt Nam, cụ thể là:

- Nghiên cứu chiến lược, quy hoạch, chính sách và các giải pháp phát triển ngành dệt may. Nghiên cứu thị trường, dự báo, hội thảo, điều tra, khảo sát, xây dựng luận chứng kinh tế - kỹ thuật theo yêu cầu, phục vụ nhu cầu quản lý, đầu tư phát triển của ngành;
- Nghiên cứu phát triển các nguyên liệu, thiết bị, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng và sản phẩm dệt may;
- Tham gia xây dựng tiêu chuẩn Nhà nước và tiêu chuẩn ngành về các nguyên liệu, sản phẩm dệt may, tham gia xây dựng các phòng thí nghiệm quốc gia, hệ thống các phòng thử nghiệm trong cả nước để giám định và kiểm tra chất lượng nguyên liệu và sản phẩm dệt may;
- Nghiên cứu đánh giá tác động môi trường, xây dựng các công nghệ sạch, các giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong ngành dệt may;
- Phối hợp với các viện, trường đào tạo cán bộ chuyên ngành có trình độ trên đại học và nhân viên khoa học kỹ thuật ngành dệt may;
- Phát triển các dịch vụ khoa học và chuyển giao công nghệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 21 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**MẪU SỐ B 06 - H**

- Tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ; xây dựng, thẩm định các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may và môi trường; tư vấn, giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại và môi trường;
- Giám định, kiểm tra chất lượng nguyên liệu, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may;
- Dịch vụ đào tạo, thông tin tư vấn;
- Sản xuất và kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại bông, xơ, sợi, vải, hàng may mặc, chi may, tơ tằm, vải tơ tằm, vải trang trí nội thất;
- Tổ chức các hoạt động xuất nhập khẩu và kinh doanh các mặt hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thiết bị thí nghiệm. Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may; cho thuê nhà, kho bãi và dịch vụ giữ xe;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với luật pháp Việt Nam.

**5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Viện áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này:

**5.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015 của Viện được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của Viện Dệt may và Phân viện Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh đã được kiểm toán sau khi bù trừ các khoản công nợ nội bộ, giao dịch nội bộ (nếu có).

**5.2. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về tình hình quyết toán, sử dụng nguồn kinh phí hoạt động, kinh phí dự án, tình hình thu chi hoạt động sự nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**5.3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho mua ngoài để sử dụng cho hoạt động hành chính sự nghiệp, dự án, đơn đặt hàng của Nhà nước, đầu tư xây dựng cơ bản được tính theo giá mua thực tế ghi trên hóa đơn đã bao gồm cả thuế GTGT, các chi phí liên quan đến việc mua hàng tồn kho được ghi nhận trực tiếp vào các tài khoản có liên quan đến việc sử dụng nguyên vật liệu. Hàng tồn kho mua ngoài để sử dụng cho hoạt động sản xuất hoặc thử nghiệm được tính theo giá mua thực tế ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế GTGT và các chi phí liên quan khác.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh hoặc bình quân gia quyền năm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 21 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**MẪU SỐ B 06 - H**

Hàng tồn kho chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không phục vụ cho hoạt động sự nghiệp.

**5.4. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do mua sắm bao gồm:

Tài sản cố định hữu hình dùng cho hoạt động sự nghiệp bao gồm giá mua thực tế (giá ghi trên hóa đơn có cả thuế GTGT) trừ (-) các khoản giảm trừ chiết khấu thương mại, giảm giá (nếu có) cộng (+) các chi phí vận chuyển, bốc xếp, các chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định trước khi đưa vào sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT bao gồm giá mua (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt, chạy thử... (nếu có).

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do đầu tư xây dựng: là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan và lệ phí trước bạ (nếu có).
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do được cấp (nếu có): là giá trị của tài sản cố định đã ghi trong "Biên bản giao nhận tài sản cố định" của đơn vị có tài sản cấp hoặc giá theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận và các chi phí sửa chữa cải tạo, nâng cấp, bốc dỡ, lắp đặt, chạy thử... mà bên nhận tài sản phải chi trả trước khi đưa tài sản cố định vào sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2015 của Viện là 5.254.964.572 VND. Các tài sản này được hình thành từ các nguồn: quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp là 2.194.612.572 VND, nhận tài sản từ Tổ chức phát triển công nghiệp liên hiệp quốc (United Nations Industrial Development Organization - UNIDO) là 3.060.352.000 VND.

Hao mòn hoặc khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo nguyên giá và tỷ lệ hao mòn hoặc khấu hao phù hợp với các quy định của Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, để phù hợp với tình hình hoạt động, một số tài sản cố định của Phân viện Dệt may được tính khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Chênh lệch khấu hao của các tài sản đã nêu cao hơn so với các quy định của Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính là 424.233.884 VND.

Đối với các tài sản sử dụng để sản xuất thực nghiệm phục vụ hoạt động sự nghiệp và Viện tận dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Viện phân bổ hao mòn của những tài sản này vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên ước tính tương đối của Viện về mức độ phục vụ của những tài sản này vào hoạt động sản xuất trong năm. Năm 2015, Viện phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh và tăng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp tương ứng với giá trị hao mòn của các tài sản tận dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh là 3.729.987.599 VND.

**5.5. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ số tiền đã chi ra hoặc chi phí thực tế về công tác nghiên cứu, phát triển về phần mềm vi tính.

Hao mòn hoặc khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo nguyên giá và tỷ lệ hao mòn hoặc khấu hao phù hợp với các quy định của Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính.

118  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 21 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**MẪU SỐ B 06 - H**

11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100

**5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Phản ánh chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Viện mẫu thời trang - Chi nhánh Hà Nội khi sát nhập về Viện.

**5.7. Phải trả công chức, viên chức**

Đối với Viện Dệt may: Lương của công nhân, viên chức bao gồm lương được hưởng từ ngân sách Nhà nước theo hệ số theo quy định hiện hành và lương từ hoạt động sản xuất kinh doanh được thực hiện theo Quyết định số 1188/QĐ-TCHC ngày 10/12/2005 của Tổng công ty Dệt may Việt Nam (nay là Tập đoàn Dệt may Việt Nam) và Quyết định số 419/QĐ-VP ngày 01/10/2015 của Viện trưởng Viện Dệt may về điều chỉnh tiền lương.

Đối với Phân viện Dệt may: Quỹ tiền lương được xác định căn cứ vào đơn giá tiền lương, theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu bán các sản phẩm may mặc, doanh thu dịch vụ thí nghiệm và doanh thu dịch vụ khác được quy định tại Quyết định số 07/QĐ/VDM ngày 08/01/2016 của Viện trưởng Viện Dệt may. Số dư quỹ lương phải trả công chức, viên chức tại 31/12/2015 là 2.097.236.780 VND.

**5.8. Nguồn vốn kinh doanh**

Phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn kinh doanh. Nguồn vốn kinh doanh của Viện được hình thành do Tập đoàn Dệt may Việt Nam cấp và nguồn vốn tự bổ sung từ lợi nhuận để lại.

**5.9. Nguồn kinh phí hoạt động**

Phản ánh tình hình tiếp nhận, sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí hoạt động của Viện. Nguồn kinh phí của Viện được hình thành từ hoạt động kinh doanh tự chủ.

**5.10. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản**

Phản ánh nguồn kinh phí xây dựng cơ bản dở dang tương ứng với chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Viện mẫu thời trang - Chi nhánh Hà Nội khi sát nhập về Viện.

**5.11. Nguồn kinh phí dự án**

Phản ánh việc tiếp nhận, sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí chương trình, dự án do ngân sách Nhà nước cấp hoặc được viện trợ không hoàn lại theo chương trình, dự án.

Nguồn kinh phí dự án của Viện tại 31/12/2015 bao gồm các khoản thu được từ thực hiện đề tài phải trả về ngân sách Nhà nước nhưng chưa trả là 4.291.902.701 VND và nguồn kinh phí để thực hiện đề tài là 11.663.000.000 VND.

Nguồn kinh phí để thực hiện dự án bao gồm:

- Các khoản thu từ thực hiện dự án phải nộp về ngân sách Nhà nước, bao gồm:

**Dự án 1:**

Tên dự án: Hoàn thiện công nghệ sản xuất chỉ khâu Ne60/3 từ bông Việt Nam.

Số tiền: 1.162.000.000 VND

**Dự án 2:**

Tên dự án: Hoàn thiện quy trình sản xuất và xử lý hoàn tất vải bông và bông pha chất lượng cao cho may sơ mi.

Số tiền: 1.050.000.000 VND

**Dự án 3:**

Tên dự án: Hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử nghiệm các loại sợi phục vụ cho mặt hàng dệt kim, chỉ thêu và chỉ may.

Số tiền: 2.079.902.701 VND

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**P. ĐOÀN DỆT MÂY VIỆT NAM**  
**ĐEN DỆT MÂY**  
Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

**MẪU SỐ B 06 - H**

**QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

thuyết minh từ trang 21 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Nguồn kinh phí để thực hiện các đề tài:

t	Tên đề tài	Giá trị hợp đồng	Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	Kinh phí thực nhận			Kinh phí đã quyết toán			Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau
				Lấy kể đến đầu năm nay	Năm nay	Lấy kể đến cuối năm nay	Lấy kể đến đầu năm nay	Năm nay	Lấy kể đến cuối năm nay		
A	B	C	1	2	3	4=2+3	5	6	7=5+6	8	9=1+3-8
	Đề tài thực hiện cho Bộ Công thương	11.950.000.000	206.933.000	4.161.000.000	5.241.567.000	9.402.567.000	1.600.000.000	1.480.000.000	3.080.000.000	5.378.500.000	70.000.000
	Xây dựng bản đồ công nghệ ngành dệt may (2013-2015)	900.000.000	-	600.000.000	300.000.000	900.000.000	-	-	-	300.000.000	-
	Nghiên cứu ứng dụng quy trình xác định các chất hạn chế đáp ứng TPP	700.000.000	-	550.000.000	150.000.000	700.000.000	-	-	-	150.000.000	-
	Nghiên cứu quy trình công nghệ hệ thống quản lý sản xuất sản phẩm dệt từ bông màu hữu cơ	700.000.000	-	400.000.000	300.000.000	700.000.000	-	-	-	300.000.000	-
1	Xây dựng qui chuẩn kỹ thuật ngành dệt may	500.000.000	-	300.000.000	200.000.000	500.000.000	-	-	-	200.000.000	-
5	Nghiên cứu sợi PE biến tính mặt cắt ngang tạo mặt hàng dệt kim có chức năng thấm nước, khô nhanh, kháng tia UV	300.000.000	-	-	300.000.000	300.000.000	-	-	-	300.000.000	-
6	Nghiên cứu XD qui trình CN SX vải DK	300.000.000	-	-	300.000.000	300.000.000	-	-	-	300.000.000	-

Đơn vị tính: VND

TP. HỒ CHÍ MINH  
CÔNG TY TNHH  
ĐIỀU KHIỂN  
001-

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**PHẦN DỆT MÂY VIỆT NAM**  
**PHẦN DỆT MÂY**

Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

**MẪU SỐ B 06 - H**

**QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

thuyết minh từ trang 21 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp

Tên đề tài	Giá trị hợp đồng	Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	Kinh phí thực nhận			Kinh phí đã quyết toán			Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau
			Lấy kể đến đầu năm nay	Năm nay	Lấy kể đến cuối năm nay	Lấy kể đến đầu năm nay	Năm nay	Lấy kể đến cuối năm nay		
<b>B</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4=2+3</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7=5+6</b>	<b>8</b>	<b>9=1+3-8</b>
từ sợi Cupro pha PE										
Nghiên cứu qui trình CN SX vải từ sợi CD PE nhuộm bằng thuốc nhuộm cation	300.000.000	-		300.000.000	300.000.000	-	-	-	300.000.000	-
Nghiên cứu XD & UD qui trình xác định các hợp chất hữu cơ đa vòng thơm PAH & delthamethrin đáp ứng rào cản KT DM	600.000.000	-		338.000.000	338.000.000	-	-	-	338.000.000	-
Xây dựng 05 TCVN trong lĩnh vực dệt may	200.000.000	-		200.000.000	200.000.000	-	-	-	200.000.000	-
Hoàn thiện CN & SX vải dệt kim co giãn từ PE cotton	2.000.000.000	6.933.000	511.000.000	1.482.067.000	1.993.067.000	-	-	-	1.489.000.000	-
Hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử nghiệm các sản phẩm dệt kim từ nguyên liệu	2.000.000.000	-		21.500.000	21.500.000	-	-	-	21.500.000	-
Nghiên cứu thiết kế và chế tạo máy nhuộm lam sử dụng cho áo len	200.000.000	-	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000	-	-
Nghiên cứu thiết kế	600.000.000	200.000.000	300.000.000	300.000.000	600.000.000	100.000.000	500.000.000	600.000.000	500.000.000	-



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**PHÒNG DỆT MÂY VIỆT NAM**  
**PHÒNG DỆT MÂY**  
Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

**MẪU SỐ B 06 - H**

**QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

thuyết minh từ trang 21 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp

Tên đề tài	Giá trị hợp đồng	Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	Kinh phí thực nhận			Kinh phí đã quyết toán			Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau
			Lấy kể đến đầu năm nay	Năm nay	Lấy kể đến cuối năm nay	Lấy kể đến đầu năm nay	Năm nay	Lấy kể đến cuối năm nay		
<b>B</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4=2+3</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7=5+6</b>	<b>8</b>	<b>9=1+3-8</b>
và chế tạo máy mặc sợi phân bằng điều khiển bằng computer	250.000.000	-	250.000.000	-	250.000.000	250.000.000	-	250.000.000	-	-
Nghiên cứu và xây dựng quy trình công nghệ xử lý kháng khuẩn cho vải tơ tằm	300.000.000	-	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000	-	300.000.000	-	-
Nghiên cứu và đề xuất công nghệ phối trộn nguyên liệu với len Merino và xây dựng quy trình nhuộm - hoàn tất phù hợp	250.000.000	-	250.000.000	-	250.000.000	250.000.000	-	250.000.000	-	-
Nghiên cứu thiết kế và chế tạo máy giường tơ có tốc độ quán cao	250.000.000	-	250.000.000	-	250.000.000	250.000.000	-	250.000.000	-	-
Nghiên cứu thiết kế chế tạo máy thí nghiệm thử độ bền màu là nóng phù hợp tiêu chuẩn ISO 105-XII	250.000.000	-	250.000.000	-	250.000.000	250.000.000	-	250.000.000	-	-
Nghiên cứu xử lý kháng khuẩn cho vải	250.000.000	-	250.000.000	-	250.000.000	250.000.000	-	250.000.000	-	-



Handwritten text at the bottom right of the page.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**ĐOÀN DỆT MÂY VIỆT NAM**  
**N DỆT MÂY**  
Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

**MẪU SỐ B 06 - H**

**QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
*Quyết minh từ trang 21 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp*

Tên đề tài	Giá trị hợp đồng	Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	Kinh phí thực nhận			Kinh phí đã quyết toán			Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau 9=1+3-8
			Lấy kể đến đầu năm nay	Năm nay	Lấy kể đến cuối năm nay	Lấy kể đến đầu năm nay	Năm nay	Lấy kể đến cuối năm nay		
<b>B</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4=2+3</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7=5+6</b>	<b>8</b>	
cotton từ các chiết xuất thực vật tự nhiên	350.000.000	-		350.000.000	350.000.000		350.000.000	350.000.000	350.000.000	-
Nguyên cứu quy trình công nghệ sản xuất mặt hàng vải tơ tằm pha len từ sợi nhuộm dùng may trang phục màu đồng cao cấp	250.000.000	-		250.000.000	250.000.000		250.000.000	250.000.000	250.000.000	-
Nghiên cứu phương pháp hoàn tất tạo tính chống tia cực tím (UV) sử dụng nano ZnO và TiO2	250.000.000	-		250.000.000	250.000.000		250.000.000	250.000.000	250.000.000	-
Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất mặt hàng vải dệt kim 2 mặt phải có độ thấm hút cao cấu trúc xốp	500.000.000	-		200.000.000	200.000.000		130.000.000	130.000.000	130.000.000	70.000.000
Nghiên cứu thiết kế và chế tạo máy nhuộm sợi dạng búp	2.100.000.000	(27.850.000)	964.800.000	1.135.200.000	2.100.000.000				1.107.350.000	-
<b>Đề tài thực hiện cho Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội</b>										



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**ĐOÀN DỆT MÂY VIỆT NAM**  
**ĐOÀN DỆT MÂY**

Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

**MẪU SỐ B 06 - H**

**UYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

(thuyết minh từ trang 21 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Tên đề tài	Giá trị hợp đồng	Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	Kinh phí thực nhận			Kinh phí đã quyết toán			Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau
			Lấy kể đến đầu năm nay	Năm nay	Lấy kể đến cuối năm nay	Lấy kể đến đầu năm nay	Năm nay	Lấy kể đến cuối năm nay		
<b>B</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4=2+3</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7=5+6</b>	<b>8</b>	<b>9=1+3-8</b>
Nghiên cứu ứng dụng sợi para-aramide SX các SP dệt may chuyên dụng	900.000.000	(19.450.000)	715.050.000	184.950.000	900.000.000	-	-	-	165.500.000	-
Nghiên cứu công nghệ sản xuất vải chất lượng cao từ sợi polyester pha	1.200.000.000	(8.400.000)	249.750.000	950.250.000	1.200.000.000	-	-	-	941.850.000	-
Đề tài thực hiện cho Tập đoàn Dệt may Việt Nam	550.000.000	-	-	275.000.000	275.000.000	-	-	-	275.685.000	(685.000)
Xây dựng hệ thống tư liệu quản lý kỹ thuật kiểm soát nhà máy dệt nhuộm	300.000.000	-	-	150.000.000	150.000.000	-	-	-	149.750.000	250.000
Xây dựng hệ thống tư liệu quản lý kỹ thuật kiểm soát nhà máy sợi	250.000.000	-	-	125.000.000	125.000.000	-	-	-	125.935.000	(935.000)
<b>Cộng</b>	<b>14.600.000.000</b>	<b>179.083.000</b>	<b>5.125.800.000</b>	<b>6.651.767.000</b>	<b>11.777.567.000</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>1.480.000.000</b>	<b>3.080.000.000</b>	<b>6.761.535.000</b>	<b>69.315.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 21 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**MẪU SỐ B 06 - H**

**5.12. Thu hoạt động sản xuất, kinh doanh**

Phản ánh doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm: thu từ bán các sản phẩm do Viện sản xuất như sợi, chỉ, doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, doanh thu gia công hàng may mặc, dịch vụ phòng thí nghiệm, doanh thu từ các hoạt động khác.

Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ghi nhận khi Viện đã hoàn thành việc giao hàng, cung cấp dịch vụ và phát hành hóa đơn GTGT.

**5.13. Chi hoạt động sản xuất, kinh doanh**

Chi hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh các khoản chi phí phát sinh của các hoạt động sản xuất sợi, chỉ, nhuộm, dịch vụ phòng thí nghiệm và dịch vụ khác... cùng với chi phí quản lý được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh và xác định chênh lệch thu chi trong năm.

**5.14. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh chi phí thực tế đã phát sinh và chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong thời gian dưới 12 tháng.

**5.15. Chi dự án**

Chi dự án phản ánh số chi cho các dự án, đề tài đã được phê duyệt bằng nguồn kinh phí của Bộ Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội, Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

Chi dự án của Viện tại 31/12/2015 bao gồm khoản chi chưa được phê duyệt nguồn kinh phí là 275.685.000 VND.

**5.16. Thuế**

Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào để sử dụng cho hoạt động sự nghiệp được tính vào giá trị của hàng hóa, dịch vụ. Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác chịu thuế giá trị gia tăng thì được khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ do Viện cung cấp là 10%.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.

555-0  
IGT  
JHHZ  
ITQ  
VIỆ  
NHÀ  
PHỐ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
 (Các thuyết minh từ trang 21 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**MẪU SỐ B 06 - H**

**6. CÁC CHỈ TIÊU CHI TIẾT**

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	01/01/2015	31/12/2015
A	B	C	1	2
<b>I</b>	<b>Tiền</b>	<b>01</b>	<b>25.382.910.628</b>	<b>29.190.606.788</b>
-	Tiền mặt		355.816.022	428.094.986
-	Tiền gửi ngân hàng		25.027.094.606	28.762.511.802
<b>II</b>	<b>Vật tư tồn kho</b>	<b>11</b>	<b>5.785.691.600</b>	<b>5.074.034.393</b>
-	Nguyên liệu, vật liệu		4.131.585.776	3.719.116.057
-	Thành phẩm		1.654.105.824	1.354.918.336
<b>III</b>	<b>Nợ phải thu</b>	<b>21</b>	<b>3.931.640.299</b>	<b>5.270.781.915</b>
-	Phải thu khách hàng		2.697.608.571	4.139.899.730
-	Trả trước cho nhà cung cấp		759.278.300	1.048.600.000
-	Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ		158.039.146	-
-	Phải thu cơ quan bảo hiểm xã hội		20.267.119	48.073.010
-	Tạm ứng		39.500.000	3.500.000
-	Phải thu khác		286.758.813	39.166.250
-	Dự phòng phải thu khó đòi		(29.811.650)	(8.457.075)
<b>IV</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>31</b>	<b>9.028.639.689</b>	<b>6.863.089.014</b>
-	Phải trả người cung cấp		2.661.489.153	1.491.857.574
-	Người mua trả tiền trước		426.778.657	391.994.660
-	Phải trả người lao động		2.129.816.690	2.097.236.780
-	Phải trả khác		3.210.782.189	2.882.000.000
-	Phải trả các đối tượng khác		599.773.000	-

**7. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM CÁC QUỸ**

Đơn vị tính: VND

Stt	Chỉ tiêu	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ ổn định thu nhập	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Tổng
A	B	1	2	3	4	5
1	Số dư đầu năm	422.149.905	111.722.300	367.417.831	12.677.720.278	13.579.010.314
2	Số tăng trong năm	164.103.804	112.657.466	28.164.366	6.357.506.428	6.662.432.064
3	Số giảm trong năm	60.900.000	42.208.417	-	2.240.287.072	2.343.395.489
4	Số dư cuối năm	525.353.709	182.171.349	395.582.197	16.794.939.634	17.898.046.889



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM  
VIỆN DỆT MAY

178 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

MÃ SỐ B 06 - H

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 21 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

STT	Chỉ tiêu	Số phải nộp trước chuyên sang	Số phải nộp năm nay	Số khấu trừ trong năm	Số đã nộp năm nay	Số còn phải nộp năm nay	Đơn vị tính: VND
A	B						
I	Nộp ngân sách	925.463.925	9.494.161.663	4.961.777.814	3.874.341.662	1.583.506.112	
-	Thuế giá trị gia tăng	440.835.984	8.158.636.772	4.961.777.814	2.759.857.317	877.837.625	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	232.448.291	938.830.689	-	577.339.460	593.939.520	
-	Thuế thu nhập cá nhân	252.179.650	392.694.202	-	533.144.885	111.728.967	
-	Thuế môn bài	-	4.000.000	-	4.000.000	-	
	<b>Cộng</b>	<b>925.463.925</b>	<b>9.494.161.663</b>	<b>4.961.777.814</b>	<b>3.874.341.662</b>	<b>1.583.506.112</b>	

**9. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ TOÁN**

Mã ngành kinh tế	Nội dung	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán trong năm	Tổng dự toán được sử dụng	Dự toán đã nhận				Dự toán bị hủy	Dự toán thực còn ở lại Kho bạc	Đơn vị tính: VND	
					Tổng số	Ngân sách Nhà nước		Nguồn khác				
						Rút từ Kho bạc	Nhận bằng lệnh chi					Ghi thu ghi chi
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	1. Đề tài dự án cấp Bộ Công thương	287.567.000	3.746.000.000	4.033.567.000	3.891.567.000	233.267.000	3.658.300.000	-	-	-	-	142.000.000
	2. Đề tài Sở khoa học công nghệ	335.200.000	800.000.000	1.135.200.000	1.131.800.000	45.100.000	1.086.700.000	-	-	-	-	3.400.000
	3. Dự án Bộ Khoa học Công nghệ	-	1.440.000.000	1.440.000.000	-	-	-	-	-	-	-	1.440.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>622.767.000</b>	<b>5.986.000.000</b>	<b>6.608.767.000</b>	<b>5.023.367.000</b>	<b>278.367.000</b>	<b>4.745.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.585.400.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 06 - H**  
(Các thuyết minh từ trang 21 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Ban lãnh đạo khẳng định rằng, theo nhận định của Ban lãnh đạo, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2015 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Viện tại ngày 31/12/2015, cũng như tình hình sử dụng, quyết toán nguồn kinh phí hoạt động, nguồn kinh phí dự án, tình hình thu chi hoạt động sự nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tăng giảm tài sản cố định cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**11. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với bên liên quan	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	-	-
Kinh phí hoạt động được cấp	275.000.000	270.000.000
Kinh phí dự án được cấp		

**12. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh được tổng hợp từ Báo cáo tài chính năm 2014 của Viện Dệt may và Phân viện Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh - Chi nhánh Hải Phòng (nay là Công ty TNHH Kiểm toán An Việt - Chi nhánh Hải Phòng).

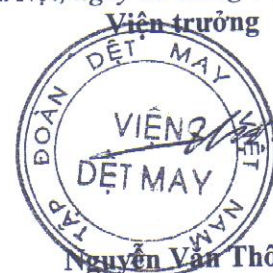
Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2016

Người lập biểu

Tổng Đức Quang

Kế toán trưởng

Tổng Đức Quang



Nguyễn Văn Thông

